TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1028/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Tường Thư
2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2017; Quyết định hoãn phiên toà số 244/2017/QDST-HNGĐ ngày 18/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo V, sinh năm 1971.
Địa chỉ: số nhà 129/11 đường R, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: số nhà 129/11 đường R, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2017 và lời trình bày của ông Nguyễn Bảo V:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng vào năm 1998, đến năm 1999 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng

hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc của ông không còn ổn định, cuộc sống khó khăn về kinh tế nhưng bà T không chia sẻ, chi tiêu tiền bạc không rõ ràng và hay so sánh làm cho ông bị tổn thương. Từ đó vợ chồng ít quan tâm gắn bó với nhau, cuộc sống chung không còn vui vẻ, hạnh phúc nên bà T đã bỏ nhà đi sống nơi khác. Do vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

Con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 20/02/1999, đã trưởng thành và Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh ngày 07/5/2004. Hiện con đang sống cùng ông, ly hôn ông yêu cầu nuôi con Nguyễn Thị Mỹ Đ và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Bảo V giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T. Bà Nguyễn Thị Kim T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt . Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Bảo V được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T. Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh ngày 07/5/2004 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Do bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: xét, ông Nguyễn Bảo V và bà Nguyễn Thị Kim T chung sống vợ chồng vào năm 1998, đến năm 1999 đã thực hiện thủ tục đăng

ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 151/KH ngày 23/11/1999 nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bà T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà T không đến Tòa để tham gia và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011 do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không thông cảm, chia sẻ lẫn nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cả hai không còn quan tâm và trách nhiệm đối với nhau . Đến nay đời sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông V là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của ông V phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 1027/1999 ngày 12/3/1999 và số 1071/2004 ngày 25/5/2004 do Uỷ ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp, đủ căn cứ xác định ông V và bà T có hai con chung tên Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 20/02/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh ngày 07/5/2004. Hiện tại con đang sống chung với ông V ổn định.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản nêu yêu cầu về việc nuôi con . Hiện con đang ở ổn định với ông V, để bảo đảm quyền lợi của con nên giao con chung cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: ông V phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Bảo V;

Ông Nguyễn Bảo V được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Con chung: Ông Nguyễn Bảo V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Mỹ Đ (nữ), sinh ngày 07/5/2004.

Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Ông Nguyễn Bảo V phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014961 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (ông V đã nộp đủ án phí).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND Phường A, Quận B, TP.HCM;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy